

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2016

BÁO CÁO

Về việc triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2016 của Sở Văn hóa và Thể thao

Thực hiện Công văn số 2856/SNV-CCHC ngày 16 tháng 8 năm 2016 của Sở Nội vụ về việc thực hiện chế độ báo cáo cải cách hành chính định kỳ theo đúng quy định.

Sở Văn hóa và Thể thao báo cáo công tác cải cách hành chính tại cơ quan năm 2016 như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Về kế hoạch cải cách hành chính

Thực hiện Kế hoạch thực hiện công tác cải cách hành chính trên địa bàn thành phố năm 2016, ban hành kèm theo Quyết định số 7034/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố, Sở Văn hóa và Thể thao đã ban hành Kế hoạch số 682/KH-SVHTT ngày 17 tháng 02 năm 2016 về triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2016. Việc xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính của cơ quan gắn với các nhiệm vụ cụ thể: Công tác chỉ đạo điều hành; Cải cách thủ tục hành chính; Cải cách tổ chức, bộ máy; Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức; Cải cách tài chính công và Hiện đại hóa nền hành chính.

2. Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính

Lãnh đạo Sở đặc biệt quan tâm, chú trọng và luôn xem công tác cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Sở. Vì vậy, lãnh đạo Sở thường xuyên quán triệt nội dung cải cách hành chính tại các buổi họp giao ban hàng tuần; tổ chức tuyên truyền trong toàn thể cán bộ công chức cơ quan hiểu rõ về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính; nâng cao ý thức và trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ. Sở đã ban hành các văn bản như:

– Quyết định số 1673/QĐ-SVHTT ngày 18 tháng 10 năm 2016 về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Sở Văn hóa và Thể thao.

– Quyết định số 739/QĐ-SVHTT ngày 29 tháng 4 năm 2016 về ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính Sở Văn hóa và Thể thao.

- Quyết định số 11/QĐ-SVHTT ngày 08 tháng 01 năm 2016 về ban hành Kế hoạch triển khai công tác kiểm tra, rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2016 tại Sở Văn hóa và Thể thao.
- Quyết định số 271/QĐ-SVHTT ngày 19 tháng 01 năm 2016 về ban hành Kế hoạch triển khai công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 tại Sở Văn hóa và Thể thao.
- Kế hoạch số 682/ KH-SVHTT ngày 17 tháng 02 năm 2016 về triển khai thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2016.
- Kế hoạch số 933/KH-SVHTT ngày 03 tháng 3 năm 2016 về kiểm tra việc thực hiện công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016.
- Kế hoạch số 814/KH-SVHTT ngày 29 tháng 02 năm 2016 về truyền thông hỗ trợ công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016.
- Kế hoạch về theo dõi thi hành pháp luật năm 2016 (ban hành kèm theo Quyết định số 330/QĐ-SVHTT ngày 22 tháng 01 năm 2016).
- Kế hoạch số 2260/KH-SVHTT ngày 13 tháng 5 năm 2016 về các giải pháp nâng cao chỉ số cải cách hành chính tại Sở Văn hóa và Thể thao.
- Kế hoạch số 2445/KH-SVHTT ngày 23 tháng 5 năm 2016 tập huấn về nhận thức và đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008.
- Kế hoạch số 3779/KH-SVHTT-CCHC ngày 09 tháng 8 năm 2016 về kiểm tra nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo TCVN ISO 9001:2008 lần 2 tại Sở Văn hóa và Thể thao.

3. Về kiểm tra công tác cải cách hành chính:

Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ thường xuyên là tham mưu, giúp việc cho Uỷ ban nhân dân Thành phố quản lý các lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của ngành, Sở Văn hóa và Thể thao còn là đơn vị đầu mối xây dựng kế hoạch và trực tiếp tổ chức thực hiện rất nhiều hoạt động văn hóa, thể thao với quy mô lớn, phục vụ nhiệm vụ chính trị và các sự kiện lớn do Thành phố giao. Do đó, Sở đã chủ động lồng ghép việc triển khai kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính nội bộ (kiểm soát thủ tục hành chính) với công tác kiểm tra đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 tại 12 phòng chức năng thuộc Sở trong tháng 6 và tháng 8 năm 2016 (02 lần).

4. Về công tác tuyên truyền cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính:

Nhằm nâng cao nhận thức của toàn thể cán bộ, công chức, viên chức của Sở về ý nghĩa và tầm quan trọng của công tác cải cách hành chính, công tác cải

cách thủ tục hành chính; nâng cao ý thức và trách nhiệm trong thực thi nhiệm vụ, Sở đã ban hành Kế hoạch số 814/KH-SVHTT ngày 29 tháng 02 năm 2016 về truyền thông hỗ trợ công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016, đặc biệt là đã tổ chức Hội nghị tổng kết năm 2015, triển khai và tập huấn nghiệp vụ công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2016 tại Sở Văn hóa và Thể thao theo Kế hoạch số 1140/KH-SVHTT ngày 14 tháng 3 năm 2016.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2016:

1. Cải cách thủ tục (Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật) tại cơ quan:

– Sở Văn hóa và Thể thao thực hiện thường xuyên công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật ở các lĩnh vực quản lý của ngành vào định kỳ quý IV hàng năm, đảm bảo thực hiện đúng quy trình, quy định; không ngừng đổi mới, xây dựng và hoàn thiện hệ thống thủ tục, cơ chế, chính sách về các lĩnh vực quản lý nhà nước thuộc thẩm quyền; ban hành Quyết định số 11/QĐ-SVHTT ngày 08 tháng 01 năm 2016 về Kế hoạch triển khai công tác kiểm tra và rà soát văn bản quy phạm pháp luật năm 2016.

– Sở tiếp tục tham mưu trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành 03 văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý của ngành, gồm:

+ Quy hoạch phát triển ngành Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh (đang xây dựng lại Đề cương và dự toán).

+ Quy hoạch hoạt động quảng cáo trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh (Sở Văn hóa và Thể thao đã chỉnh sửa theo ý kiến của Ban Thường vụ Thành ủy và đã trình Ủy ban nhân dân Thành phố vào tháng 4 năm 2016).

+ Quy hoạch hoạt động karaoke, vũ trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2012 - 2020, tầm nhìn đến năm 2025 (Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành Quyết định số 5059/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2014 về phê duyệt Đề cương, nhiệm vụ quy hoạch và dự toán kinh phí dự án Quy hoạch ngành nghề karaoke, vũ trường trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030). Hiện nay, Sở Văn hóa và Thể thao thành giai đoạn tổng hợp ý kiến Sở/ ngành, quận/huyện và đã chuyển Sở Kế hoạch và Đầu tư để thẩm định, trình Ủy ban nhân dân Thành phố phê duyệt.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Về rà soát thủ tục hành chính

Trên cơ sở rà soát của Sở Văn hóa và Thể thao, thẩm định của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân Thành phố đã ban hành 04 quyết định công bố chuẩn

hóa 107/107 (100%); 01 quyết định sửa đổi, bổ sung, thay thế 03 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở:

- Quyết định số 3794/QĐ-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2016 về công bố 11 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực di sản văn hóa.
- Quyết định số 3814/QĐ-UBND ngày 26 tháng 7 năm 2016 về việc công bố 26 thủ tục hành chính lĩnh vực thể thao.
- Quyết định 3992/QĐ-UBND ngày 08 tháng 8 năm 2016 về việc công bố 12 thủ tục hành chính lĩnh vực nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh, văn hóa cơ sở, quản lý sử dụng vũ khí, súng săn, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ.
- Quyết định 5032/QĐ-UBND ngày 26 tháng 9 năm 2016 về việc công bố 58 thủ tục hành chính lĩnh vực: bản quyền tác giả; thi đua khen thưởng; mỹ thuật và triển lãm; văn hóa cơ sở; xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh; xuất nhập khẩu văn hóa phẩm nhằm mục đích kinh doanh; thư viện; gia đình và nhiếp ảnh.
- Quyết định 5920/QĐ-UBND ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Ủy ban nhân dân Thành phố công bố thủ tục hành chính mới, thủ tục hành chính thay thế và bị thay thế thuộc lĩnh vực thể thao (03 thủ tục).

Đồng thời, Sở Văn hóa, Thể thao cũng đã dự thảo và gửi Sở Tư pháp thẩm định bộ thủ tục hành chính lĩnh vực Di sản văn hóa qua hộp thư điện tử trước khi gửi văn bản chính thức để trình Ủy ban nhân dân Thành phố (08 thủ tục).

b) Về công khai thủ tục hành chính:

Việc niêm yết các thủ tục hành chính được Sở thực hiện nghiêm túc, công khai về trình tự, thời gian xử lý, lệ phí, thành phần hồ sơ, cơ sở pháp lý thực hiện thủ tục hành chính ... tạo thuận lợi cho tổ chức và công dân đến giao dịch:

– Công khai **88/88** (100%) thủ tục hành chính đã được Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định công bố, thay thế tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hồ sơ theo cơ chế “một cửa” tại 164 Đồng Khởi phường Bến Nghé Quận 1.

– Đăng tải 100% thủ tục hành chính đã được Ủy ban nhân dân Thành phố ra quyết định công bố, thay thế trên Trang Thông tin điện tử của Sở Văn hóa và Thể thao tại địa chỉ: www.svhtt.hochiminhcity.gov.vn.

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Rà soát, triển khai thực hiện Quy chế làm việc của cơ quan

– Về chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn:

+ Trên cơ sở Thông tư liên tịch số 07/2015/TTLT-BVHTTDL-BNV hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Phòng Văn hóa – Thông tin thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, đã tham mưu Sở Văn hóa và Thể thao xây dựng Dự thảo Quy chế tổ chức và hoạt động và đang chờ Ủy ban nhân dân Thành phố, Bộ Nội vụ và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phê duyệt; ban hành Quyết định phân công nhiệm vụ các thành viên Ban Giám đốc Sở. Hiện nay, Sở đang tập trung hướng dẫn đơn vị sự nghiệp rà soát, điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và điều chỉnh đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của khối hành chính.

+ Tham mưu Sở ban hành Quy chế phân cấp thẩm quyền bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển, từ chức, miễn nhiệm chức vụ Trưởng, Phó trưởng Phòng thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở; ban hành Quyết định thu hồi và hủy bỏ Quyết định ban hành Quy chế quản lý tuyển chọn, thuê chuyên gia, huấn luyện viên thể thao người nước ngoài..

– Về cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở:

Hiện tại, tổ chức bộ máy của Sở gồm 12 phòng chuyên môn và 36 đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

b) Về quản lý, sử dụng biên chế công chức:

– Biên chế hành chính của Sở được giao 209 chỉ tiêu và số người làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Sở được giao 1.231 chỉ tiêu. Sở ban hành Quyết định giao chỉ tiêu biên chế đối với 12 phòng chuyên môn và Quyết định phê duyệt số lượng người làm việc đối với 27 đơn vị sự nghiệp chưa tự chủ; duyệt Biên chế tiền lương hàng quý đối với cơ quan, đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; thực hiện tổng hợp báo cáo biên chế tiền lương hàng quý gửi cơ quan có liên quan; hướng dẫn đơn vị sự nghiệp rà soát, điều chỉnh, bổ sung đề án vị trí việc làm và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp.

– Ban hành Quyết định tuyển dụng công chức và cử người hướng dẫn tập sự công chức đối với 10 thí sinh trúng tuyển công chức đợt 2 năm 2015; đăng ký Sở Nội vụ nhu cầu tuyển dụng công chức năm 2016 của Sở (08 vị trí); lập hồ sơ đề nghị Sở Nội vụ, Sở Tài chính bổ nhiệm Kế toán trưởng Sở Văn hóa và Thể thao; lập hồ sơ đề nghị Sở Nội vụ xét chuyển thành công chức không qua thi đối với các trường hợp xin chuyển công tác về Sở: (01 trường hợp của Trường Đại học Sư phạm Thể dục Thể thao Thành phố Hồ Chí Minh, 01 trường hợp của Báo Sài Gòn Giải Phóng); lập hồ sơ đề nghị Sở Nội vụ xét chuyển thành công chức không qua thi đối với trường hợp tốt nghiệp Thạc sỹ xuất sắc tại nước ngoài đang làm việc tại Sở; lập hồ sơ đề nghị Sở Nội vụ xét chuyển thành công chức không qua thi đối với

trường hợp bổ nhiệm người đứng đầu đơn vị sự nghiệp (Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Văn hóa Nghệ thuật); có Công văn gửi Ban Tổ chức Thành ủy xin tiếp nhận 01 ứng viên chương trình tạo nguồn quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý trẻ tuổi.

– Về công tác tuyển dụng viên chức:

+ Đối với công tác xét tuyển năm 2015: Sở đã chuyển Hội đồng xét tuyển viên chức tại từng đơn vị sự nghiệp thông qua kết quả xét tuyển tại 23 đơn vị; hoàn chỉnh hồ sơ, trình Sở Nội vụ thỏa thuận kết quả trúng tuyển đối với 199 thí sinh. Kết quả: Sở Nội vụ thỏa thuận trúng tuyển đối với 176 thí sinh, không thỏa thuận kết quả đối với 23 thí sinh. Sở đã ban hành Quyết định phê duyệt kết quả trúng tuyển đối với 176 thí sinh; ban hành Văn bản trao đổi với Sở Nội vụ về 23 thí sinh không được công nhận, Văn bản hướng dẫn đơn vị xác minh văn bằng chứng chỉ và dự kiến xếp lương đối với thí sinh trúng tuyển.

+ Đối với công tác xét tuyển năm 2016: Sở vẫn tiếp tục hướng dẫn các đơn vị sự nghiệp có nhu cầu tuyển dụng, tính đến nay đã có 02 đơn vị sự nghiệp đã hoàn chỉnh công tác xét tuyển với kết quả 27 người trúng tuyển.

+ Tiếp nhận công chức, viên chức thuộc các cơ quan ban, ngành, đoàn thể trên địa bàn thành phố về công tác tại Sở do yêu cầu bổ sung nhân sự thay thế người nghỉ hưu, nghỉ việc.

+ Thực hiện thủ tục chấm dứt hợp đồng làm việc đối với viên chức chuyển công tác ra ngoài Sở.

4. Tình hình thực hiện cơ chế một cửa:

– Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hồ sơ thuộc Văn phòng Sở hoạt động theo đúng Quy chế tổ chức và hoạt động của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hồ sơ đã được ban hành theo Quyết định số 660/QĐ-VHTTDL ngày 01 tháng 4 năm 2011 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch (nay là Sở Văn hóa và Thể thao).

– Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hồ sơ được bố trí tại vị trí thuận lợi (ngay cổng vào Sở), diện tích đủ rộng, thoáng mát; trang bị đủ bàn ghế, nước uống cho nhân dân và khách đến liên hệ. Bộ phận Tiếp nhận và Trả hồ sơ đã duy trì đầy đủ hệ thống sổ sách để theo dõi hồ sơ cấp phép: Biên nhận hồ sơ (có hẹn thông báo kết quả), Phiếu chuyển hồ sơ, các mẫu đơn xin cấp phép các loại hình hoạt động và dịch vụ Văn hóa, Thể thao, Sở theo dõi nội dung giấy phép thuộc các lĩnh vực cấp phép... và trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết cho công chức của Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hồ sơ: bàn làm việc, máy vi tính, máy in, điện thoại cố định,...

– Ngoài ra, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ còn là nơi để Sở thực hiện việc lấy ý kiến của người dân thông qua hình thức phiếu thăm dò ý kiến

khách hàng đặt tại bàn trả hồ sơ. Khi người dân, tổ chức đến liên hệ để nhận kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính, cán bộ tiếp nhận gửi phiếu thăm dò kèm theo kết quả hồ sơ. Theo đó, định kỳ hàng quý, Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ tổng hợp, thống kê tỷ lệ hài lòng, số lượt đánh giá theo số lượng phiếu thăm dò thực tế thu thập được; ghi nhận, báo cáo đánh giá các phản ánh, góp ý của người dân, tổ chức đến Lãnh đạo Văn phòng, Ban Giám đốc Sở. Từ đó, Văn phòng Sở xem xét, đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ tại Sở.

– Tính đến thời điểm hiện nay, tổng số thủ tục hành chính của Sở là 88 thủ tục; giải quyết theo cơ chế một cửa là 88 thủ tục (đạt 100%).

– Kết quả giải quyết hồ sơ theo cơ chế một cửa trong năm 2016:

+ Tổng số hồ sơ đã tiếp nhận: 10002 hồ sơ; số hồ sơ đã giải quyết: 10050 hồ sơ; số hồ sơ đang trong giai đoạn giải quyết: 203.

+ Hồ sơ quá hạn là: 194 hồ sơ trễ hạn/10002 hồ sơ tiếp nhận (chiếm tỷ lệ 1,9%); trong đó:

- 158 hồ sơ thuộc thủ tục cấp giấy phép cho đối tượng thuộc địa phương mời tổ chức, cá nhân nước ngoài vào biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang tại địa phương.

- 36 hồ sơ thuộc lĩnh vực thể thao.

5. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức:

a) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

Công tác quản lý công chức, viên chức được thực hiện đúng quy định hiện hành. Việc sử dụng, bổ nhiệm, nâng lương, khen thưởng và các chế độ chính sách khác đối với công chức, viên chức được Sở thực hiện đúng quy trình, đầy đủ, kịp thời.

Năm 2016, Sở đã mới 38 trường hợp; bổ nhiệm lại 18 trường hợp; bổ nhiệm ngạch công chức 3 trường hợp.

– Lập thủ tục bổ nhiệm ngạch thanh tra viên 2 trường hợp; lập hồ sơ gửi Sở Nội vụ đăng ký thi chuyên viên chính 3 trường hợp; thi huấn luyện viên chính 12 trường hợp; thi huấn luyện viên cao cấp 19 trường hợp.

– Thực hiện nâng bậc lương trước thời hạn đối với 70 công chức viên chức người lao động. Trong công tác nâng bậc lương thường xuyên, Sở đã ban hành Quyết định đối với 334 công chức viên chức người lao động thuộc thẩm quyền của Sở; trình hồ sơ đề nghị nâng lương đối với 29 công chức viên chức thuộc thẩm quyền nâng lương của Ủy ban nhân dân Thành phố và Sở Nội vụ.

Thực hiện nâng bậc lương đối với 02 viên chức người lao động có thông báo nghỉ hưu thuộc thẩm quyền.

b) Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức:

Nhận thức rõ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức là một trong những công tác trọng tâm, cốt lõi của cải cách hành chính, từ đầu năm 2016, Sở Văn hóa và Thể thao đã ban hành Kế hoạch số 2192/KH-SVHTT ngày 09 tháng 5 năm 2016 về đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức năm 2016 và cử trên 90 lượt công chức, viên chức tham dự các lớp đào tạo, bồi dưỡng. Kết quả trong năm 2016:

– Bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ (đầu tàu, công tác gia đình) 49 lượt; đào tạo lý luận chính trị 154 lượt; bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước (các ngạch cán sự, chuyên viên, chuyên viên chính, chuyên viên cao cấp, thanh tra viên, thanh tra viên chính, kế toán viên) 38 lượt. 45 lượt công chức viên chức tham dự lớp bồi dưỡng về truyền thông và công nghệ thông tin; 46 lượt tham gia các lớp bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp cơ sở, cấp phòng; 60 lượt tham gia lớp bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; 21 lượt tham gia bồi dưỡng kiến thức an ninh quốc phòng; 05 trường hợp tham gia lớp Quản lý nhà nước về công tác Hội, Quỹ; 01 công chức tham gia tập huấn nghiệp vụ khoa giáo; 05 công chức tham gia tập huấn Luật xử lý vi phạm hành chính; 01 công chức tham dự đào tạo “Thế hệ địa chỉ Internet mới IPv6”. Bên cạnh đó, đến nay đã thông tin phổ biến cho các đơn vị đăng ký tham dự các lớp đào tạo bồi dưỡng về Nghiệp vụ văn thư lưu trữ, chương trình tiếng Anh A2, B1, IELTS năm 2016, lớp kỹ năng phát ngôn trước công chúng, lớp nghiệp vụ giám sát thi công công trình; lớp nghiệp vụ kỹ năng tuyên truyền miệng, lớp Kế toán viên chính.

– Giải quyết chế độ hỗ trợ cho 01 công chức hoàn thành chương trình đào tạo thạc sĩ, 01 công chức hoàn thành chương trình đại học văn bằng 02 bằng kinh phí tự túc theo Quy chế chi tiêu nội bộ.

– Giới thiệu 04 công chức, viên chức tham dự Chương trình đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ năm 2016; 03 công chức thực tập tại nước ngoài; 08 công chức, viên chức tham dự lớp bồi dưỡng kiến thức hội nhập quốc tế, cử 4 công chức, viên chức tham dự các lớp cao cấp lý luận chính trị hệ tại chức, 5 công chức, viên chức dự tuyển cử nhân chính trị các chuyên ngành - văn bằng 2, giới thiệu 3 công chức dự tuyển cao học luật, cao học xây dựng đảng và chính quyền nhà nước.

– 10 thí sinh trúng tuyển công chức vào Sở năm 2015 đã tham dự lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên năm 2016.

– Từ cuối năm 2015 đến nay, Sở Văn hóa và Thể thao đã 2 lần phối hợp Sở Nội vụ để rà soát, góp ý hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng nguồn nhân lực giai đoạn 2016 – 2020. Song song đó rút kinh nghiệm trong việc thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng, phát hiện, bồi dưỡng năng khiếu, nhân tài lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật, thể dục - thể thao Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2011 – 2015, trong thời gian chờ Ủy ban nhân dân Thành phố chính thức ban hành Quyết định phê duyệt Chương trình và Kế hoạch thực hiện của giai đoạn 2016 – 2020, một số nội dung đào tạo năng khiếu, nhân tài lĩnh vực nghệ thuật và thể thao cũng đã được chuẩn bị trước, cụ thể gồm: kế hoạch khảo sát và đào tạo diễn viên múa, nhạc cụ, thanh nhạc, sáng tác âm nhạc, xiếc, rối tại Nga; tiếp tục thực hiện tổ chức lớp truyền nghề diễn viên hát bội và mời chuyên gia nước ngoài tập huấn cho diễn viên lĩnh vực giacob hưởng, nhạc kịch và vũ kịch.

c) Công tác quy hoạch:

Sở Văn hóa và Thể thao đã ban hành Hướng dẫn số 1507/HĐ-SVHTT ngày 05 tháng 4 năm 2016 về rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy hoạch nguồn cán bộ lãnh đạo, quản lý đến năm 2020 và những năm tiếp theo để triển khai đến tất cả các phòng khối hành chính đơn vị sự nghiệp trực thuộc. Hiện nay, các phòng ban, đơn vị thuộc Sở đã hoàn tất quy trình rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch và đang tổng hợp hồ sơ.

6. Cải cách tài chính công:

a) Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP:

– Văn phòng cơ quan Sở hiện thực hiện công tác công khai tài chính theo quy định tại Thông tư số 21/2005/TT-BTC ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Tài chính; các nội dung chi tiêu công vụ được thực hiện theo Quy chế chi tiêu nội bộ, đồng thời từng bước xây dựng và triển khai quy trình chi tiêu công vụ theo hướng đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian xử lý, công khai tài chính.

– Sở Văn hóa và Thể thao có 01 đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP là Văn phòng cơ quan Sở (năm 2016 không tăng giảm số lượng):

+ Có 01 cơ quan ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và chưa ban hành quy chế quản lý tài sản công: Văn phòng cơ quan Sở.

+ Có 01 cơ quan có mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức theo cấp bậc, chức vụ và có bình quân số lần thu nhập tăng thêm ước tính cả năm 2016 đạt 0,5 lần tổng quỹ lương cấp bậc, chức vụ: Văn phòng cơ quan Sở.

– Công tác quản lý tài sản công: Sở đang thực hiện công tác kiểm kê, đánh giá lại toàn bộ tài sản công của Văn phòng cơ quan Sở.

b) Toàn Sở Văn hóa và Thể thao có 34/36 đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc đang thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐCP và tiếp tục sẽ triển khai cơ chế tự chủ theo Nghị định số 16/2015/NĐ-CP sau khi có hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

Tất cả 34 đơn vị đều ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập cho người lao động.

7. Hiện đại hóa hành chính

a) Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước:

Sở tiếp tục đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan và đạt được những kết quả nhất định, góp phần nâng cao năng lực điều hành và đẩy mạnh thực hiện công tác cải cách hành chính:

– Tập trung triển khai kế hoạch nâng cấp Trang thông tin điện tử của Sở về giao diện, nội dung và đã chuyển Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định.

– Tiếp tục thực hiện chủ trương của thành phố về việc điện tử hóa việc trao đổi thông tin, Sở đã triển khai cho tất cả cán bộ công chức Sở và các đơn vị trực thuộc sử dụng hộp thư điện tử thành phố, sử dụng phần mềm gửi nhận văn bản và theo dõi chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố”, phần mềm quản lý cán bộ công chức, phần mềm quản lý hồ sơ cấp phép. Trên cơ sở đó, tỷ lệ lãnh đạo Sở sử dụng thư điện tử **100%**, tỷ lệ công chức sử dụng thư điện tử trong công việc đạt trên **90%**.

– Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 02 thủ tục hành chính: “Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo” và “Thông báo nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu”.

– Ngoài ra, Sở lập các văn bản xin ghi vốn dự án nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin (Sở Kế hoạch và Đầu tư thẩm định) và ghi vốn triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý nhà nước năm 2016 của Sở (chuyển Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định).

b) Về áp dụng tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 trong hoạt động của cơ quan hành chính:

Sở đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 cho 48 thủ tục hành chính, trong đó lĩnh vực Di sản văn hóa có 11 thủ tục, thể thao có 25 thủ tục, nghệ thuật biểu diễn và điện ảnh có 12 thủ tục. Hiện tại, Sở đang xây dựng 41 thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực bản quyền tác

giả, thi đua – khen thưởng, mỹ thuật và triển lãm, văn hoá cơ sở, Xuất nhập khẩu văn hoá phẩm không nhằm mục đích kinh doanh, nhập khẩu văn hoá phẩm nhằm mục đích kinh doanh, thư viện, gia đình để chuẩn bị ban hành quyết định công bố lần 3 vào tháng 12 năm 2016.

c) Về dịch vụ công trực tuyến: Sở đang tổ chức triển khai thực hiện 02 dịch vụ công trực tuyến (mức độ 3) trong năm 2016:

– Tiếp nhận thông báo tổ chức đoàn người thực hiện quảng cáo.

– Thông báo nội dung chương trình biểu diễn nghệ thuật, trình diễn thời trang; thi người đẹp và người mẫu.

III. ĐÁNH GIÁ:

1. Một làm được:

– Công tác chỉ đạo, điều hành triển khai công tác cải cách hành chính được thực hiện khẩn trương, luôn bám sát kế hoạch công tác cải cách hành chính và đạt được các mục tiêu đã đề ra trong năm 2016; do đó, công tác cải cách hành chính tại Sở đạt được nhiều kết quả khả quan, tiến bộ, có hiệu quả, góp phần nâng cao hiệu quả hiệu lực của bộ máy nhà nước.

– Bộ máy tổ chức của Sở ngày càng được kiện toàn; đội ngũ cán bộ công chức, viên chức đáp ứng trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cũng như phẩm chất chính trị, đạo đức ngày càng được nâng cao

– Luôn kịp thời rà soát, chỉnh sửa, bổ sung và cập nhật các quy định về thủ tục hành chính.

– Kịp thời phổ biến, quán triệt chủ trương, chính sách liên quan công tác cải cách hành chính đến toàn thể cán bộ công chức, viên chức của Sở, có Kế hoạch chấn chỉnh, khắc phục các mặt còn hạn chế trong giải quyết thủ tục hành chính.

– Thủ tục hành chính được công khai, minh bạch, niêm yết kịp thời, đầy đủ tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả hồ sơ cũng như đăng tải trên Trang thông tin điện tử của Sở.

– Việc sử dụng tài sản, thu chi tài chính, quản lý dự án công trình,... ngày càng công khai, minh bạch, đạt kết quả ngày càng cao.

– Triển khai thực hiện 02 dịch vụ công trực tuyến (mức độ 3) trong năm 2016 theo đúng yêu cầu và tiến độ của Thành phố.

– Tỷ lệ sử dụng thư điện tử Thành phố đạt trên 90%.

2. Tồn tại, hạn chế:

Bên cạnh những mặt làm được, công tác cải cách hành chính tại Sở còn một số hạn chế cần khắc phục, cụ thể:

- Lĩnh vực quản lý nhà nước của Sở khá rộng và đa dạng, số lượng thủ tục hành chính được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật khá nhiều; các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và gia đình thường xuyên được ban hành mới hoặc bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong thời gian gần đây đã gây không ít khó khăn, ảnh hưởng đến việc cập nhật, công bố, công khai.
- Nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về nội dung, yêu cầu, quy định và trách nhiệm thực hiện kiểm soát thủ tục hành chính còn hạn chế.
- Thường xuyên trễ hạn đối với các hồ sơ liên quan thủ tục hành chính cần phối hợp với các Sở ngành (do khó khăn trong việc thông nhất thời gian phối hợp thực hiện) hoặc đối với các hồ sơ liên quan đến thủ tục hành chính mà cơ quan có thẩm quyền quyết định không phải là Sở Văn hóa và Thể thao.
- Việc thực hiện thư xin lỗi chỉ đạt 50,5% (98 thư xin lỗi/194 hồ sơ trễ hạn).

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2017:

1. Hoàn thiện Quy chế của Sở Văn hóa và Thể thao. Rà soát, bổ sung các Quy chế tổ chức hoạt động của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc nhằm đáp ứng và phù hợp với yêu cầu phát triển ngành. Kiện toàn tổ chức, bộ máy, nhân sự của Sở theo quy chế.
2. Nâng cao trách nhiệm, nhiệm vụ quản lý nhà nước của các phòng, ban chúc năng, chuyên môn giúp công tác tham mưu nâng cao chất lượng, hiệu quả trong công tác; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý điều hành của Sở.
3. Chú trọng đẩy nhanh tiến độ và chất lượng công tác xây dựng các Quy hoạch phát triển ngành, lĩnh vực chủ yếu; công tác nghiên cứu khoa học, nghiên cứu các cơ chế, chính sách, Nghị định của Chính phủ... nhằm giải quyết các vấn đề tồn tại khi triển khai các chính sách, Nghị định trong các lĩnh vực ngành quản lý, tham mưu các chính sách, chiến lược, đề án phát triển, quy hoạch, kế hoạch ngành văn hóa và thể thao đi vào chiều sâu, thiết thực.
4. Tổ chức thực hiện những nội dung, nhiệm vụ trong Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2016 – 2020 của Sở.
5. Thực hiện Kế hoạch tuyên truyền công tác cải cách hành chính của Thành phố giai đoạn 2016 – 2020.

6. Xây dựng Kế hoạch triển khai công tác cải cách hành chính năm 2017 của Sở.

7. Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm các nội dung quy định tại Kế hoạch số 3901/KH-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về truyền thông hỗ trợ hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính; Chỉ thị số 30/2014/CT-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giải pháp chấn chỉnh, tăng cường hiệu quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và Quyết định số 38/2015/CT-UBND ngày 04 tháng 8 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của cán bộ, công chức làm đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Hoàn thành đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính do Ủy ban nhân dân Thành phố và Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch giao.

9. Kịp thời xây dựng, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quyết định công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của ngành trên địa bàn Thành phố cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

10. Tăng cường rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân Thành phố các sáng kiến, giải pháp nhằm đẩy mạnh cải cách hành chính, cải cách thủ tục hành chính.

11. Tổ chức kiểm tra thực hiện công tác cải cách hành chính, thực hiện thủ tục hành chính tại Sở theo đúng thời gian quy định.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2016 và phương hướng, nhiệm vụ công tác cải cách hành chính năm 2017 của Sở Văn hóa và Thể thao./. M

Nơi nhận:

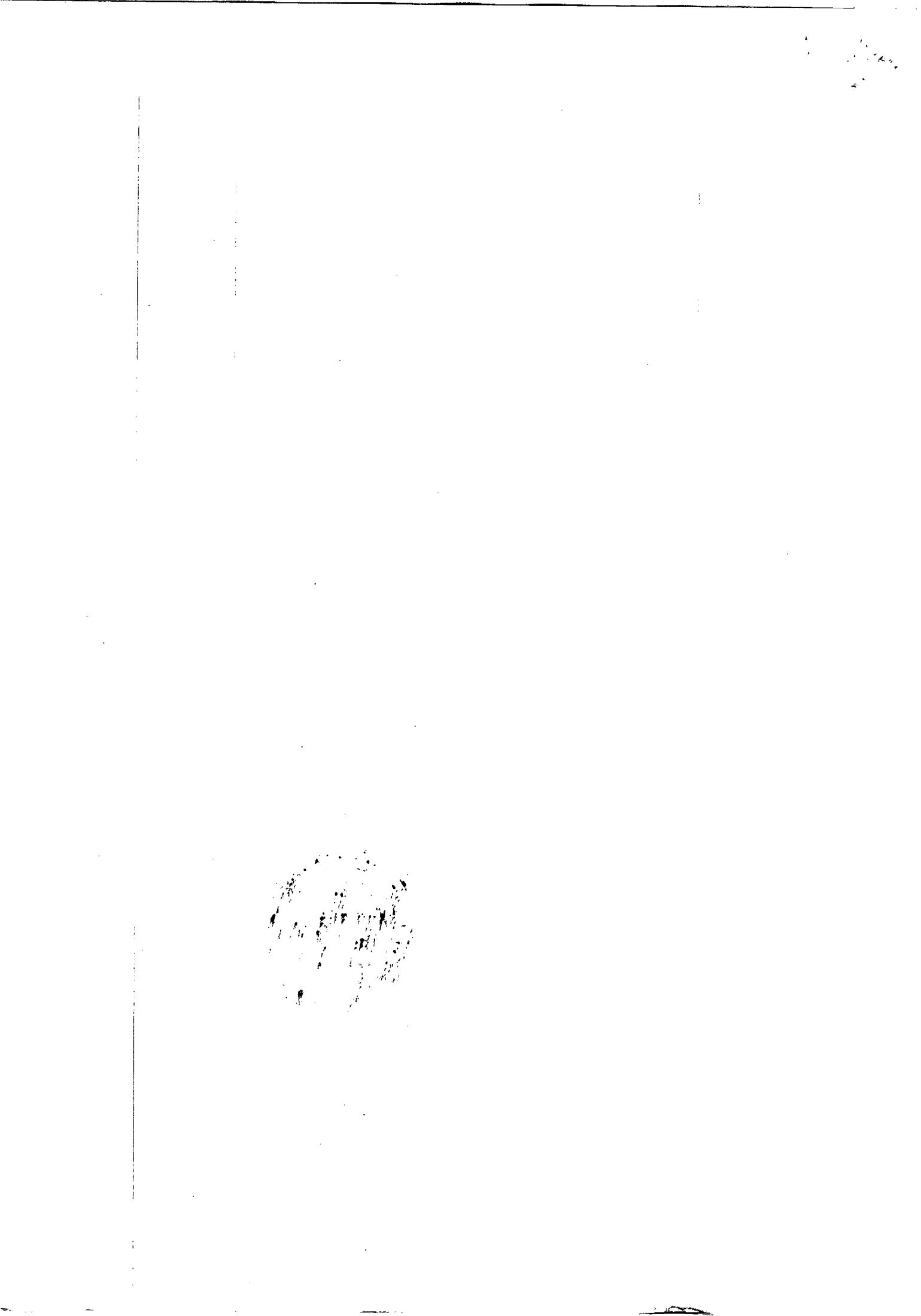
- UBND/TP;
- Sở Nội vụ;
- Ban Giám đốc Sở;
- BCĐ CCHC và Tổ giúp việc
- Lưu: VT, Hg.



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ
VĂN HÓA VÀ
THỂ THAO

Võ Trọng Nam





PHỤ LỤC BÁO CÁO CÔNG TÁC CCHC NĂM 2016 CỦA SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO
Số: (ban hành kèm theo Báo cáo số 5801 /BC-SVHTT-CCHC ngày 23 tháng 11 năm 2016)

**Phụ lục 1
KẾT QUẢ BAN HÀNH CÁC KẾ HOẠCH**

STT	Tên Kế hoạch	Số văn bản	Ngày, tháng, năm ban hành	Số nhiệm vụ trong kế hoạch	Số nhiệm vụ phát sinh ngoài kế hoạch (đến thời điểm báo cáo)	Ghi chú
II	Tại các Sở-ngành					
1	Kế hoạch cải cách hành chính năm	682/KH-SVHTT	17/02/2016			
2	Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính năm					
3	Kế hoạch tuyên truyền CCHC, CCTTHC năm	1140/KH-SVHTT	14/3/2016			
4	Kế hoạch kiểm tra VBQPPL năm	11/QĐ-SVHTT	08/01/2016			
5	Kế hoạch theo dõi thi hành pháp luật năm	330/QĐ-SVHTT	22/01/2016			
6	Kế hoạch công tác kiểm soát TTHC năm	271/QĐ-SVHTT	19/01/2016			
7	Kế hoạch rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm	271/QĐ-SVHTT	19/01/2016			
8	Kế hoạch kiểm tra công tác kiểm soát TTHC năm	933/KH-SVHTT	03/3/2016			
9	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức	2192/KH-SVHTT	09/5/2016			

10	Kế hoạch ứng dụng CNTT	926/KH-SVHTT	03/3/2016			
11	Kế hoạch ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với TCVN ISO 9001:2008/ISO điện tử	5021/KH-SVHTT-CCHC: Kế hoạch Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với TCVN ISO 9001:2008	05/11/2015			
12	Kế hoạch đánh giá, kiểm tra ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với TCVN ISO 9001:2008/ISO điện tử	- Chương trình đánh giá nội bộ lần 1 năm 2016 - 3779/SVHTT-VP-CCHC: Chương trình đánh giá nội bộ lần 2 năm 2016	10/6/2016 09/8/2016			

Phụ lục 2
THÔNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CCHC
(Công tác chỉ đạo điều hành CCHC)

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Về kế hoạch cải cách hành chính				35	
1.1	Số đầu việc được quy định trong Kế hoạch.					Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3: 02 TTHC đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử Thành phố
1.2	Số lượng đầu việc đã đạt trong Kế hoạch.				35	
1.3	Số lượng đầu việc phát sinh ngoài Kế hoạch					Kiểm tra nội bộ HTQLCL ISO 9001:2008 (02 đợt)
2	Về tổ chức chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính				02	
2.1	Số lượng tổ chức các hội nghị giao ban công tác CCHC.				02	30/8/2016 18/11/2016

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
2.2	Thi đua, khen thưởng của công tác CCHC.				0	
3	Về kiểm tra công tác cải cách hành chính				0	
3.1	Số đơn vị được kiểm tra					
3.2	Việc xử lý các vấn đề đặt ra sau khi tiến hành kiểm tra.					
4	Về công tác tuyên truyền CCHC, CCTTHC				Hội nghị	
4.1	Hình thức, nội dung tuyên truyền				01	
4.2	Số lượng					Tháng 3/2016

Phụ lục 3
THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CCHC
(Công tác cải cách thể chế)

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Xây dựng và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật					
1.1	Số lượng và tên văn bản quy phạm pháp luật đã trình Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân Thành phố				01	Chưa được phê duyệt
1.2	Tổng số lượng VBQPPL được ban hành				0	
1.3	Số lượng VBQPPL được ban hành trong chương trình ban hành VBQPPL				0	
1.4	Số lượng VBQPPL được ban hành nằm ngoài chương trình ban hành VBQPPL				0	
1.5	Số lượng VBQPPL được ban hành trễ hơn so với chương trình ban hành VBQPPL				0	
2	Công tác rà soát, kiểm tra văn bản				0	
2.1	Tình hình triển khai kế hoạch rà soát định kỳ các VBQPPL được ban hành				0	
2.2	Kết quả xử lý các vấn đề phát hiện trong quá trình rà soát				0	
3	Công tác theo dõi thi hành pháp luật trọng tâm và theo chuyên đề thuộc lĩnh vực, ngành quản lý					
3.1	Số văn bản QPPL đã được triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.				0	
3.2	Tình hình kiểm tra việc thực hiện các VBQPPL				0	
3.2.1	Số VBQPPL được kiểm tra thực hiện so với tổng số VBQPPL hiện hành				0	
3.2.2	Xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra.				0	

Phụ lục 4
THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CCHC
(Công tác cải cách TTHC)

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Thực hiện cải cách TTHC trên các lĩnh vực quản lý nhà nước/trọng tâm				46	
1.1	Số lượng TTHC được cắt giảm				0	
1.2	Số lượng TTHC giảm về thời gian thực hiện TTHC				0	
1.3	Số lượng TTHC giảm về thành phần hồ sơ				0	
1.4	Số lượng TTHC được đa dạng về quy cách thành phần hồ sơ				0	
1.5	Số lượng TTHC được đa dạng hóa cách thức thực hiện TTHC				0	
1.6	Số lượng TTHC giảm về chi phí thực hiện TTHC				0	
2	Công tác Kiểm soát TTHC				0	
2.1	Kiểm soát việc ban hành mới các TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND/UBND Thành phố				0	
2.1.1	Số lượng VBQPPL có ban hành TTHC				0	
2.1.2	số lượng TTHC được quy định trong VBQPPL				0	
2.1.3	Số lượng TTHC phải đánh giá tác động				0	
2.2	Kết quả thực hiện rà soát, đơn giản hóa TTHC				0	
2.2.1	Số lượng TTHC đã đề xuất Chủ tịch UBND Thành phố đề nghị Trung ương thực hiện phương án đơn giản hóa				0	
2.2.2	Số lượng TTHC đề nghị UBND Thành phố thực hiện sửa đổi, bổ sung,				68	

STT	<u>Tiêu chí</u>	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
	thay thế hoặc bãi bỏ, huỷ bỏ TTHC và các quy định liên quan đến TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của địa phương.					
2.3	Kết quả phối hợp trình Chủ tịch UBND Thành phố công bố TTHC					
2.3.1	Số lượng TTHC mới ban hành				107	
2.3.2	Số lượng TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế				01	
2.3.3	Số lượng TTHC bị bãi bỏ, huỷ bỏ				22	
2.4	Kết quả niêm yết công khai TTHC				88	
2.4.1	Tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả				88	
2.4.2	Trang thông tin điện tử				88	
2.5	Tổng số TTHC đang được tiếp nhận tại cơ quan/đơn vị.				88	
2.5.1	Số lượng TTHC đang tiếp nhận đã được Chủ tịch UBND Thành phố công bố				88	
2.5.2	Số lượng TTHC đang tiếp nhận chưa được Chủ tịch UBND Thành phố công bố.				0	
2.5.3	Số lượng TTHC đang thực hiện liên thông.				0	
2.5.3	Số lượng TTHC đang thực hiện kết hợp.				0	
2.6	Việc tiếp nhận và trả kết quả TTHC:					
2.6.1	Tổng số hồ sơ tiếp nhận				10002	

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
2.6.2	Tổng số hồ sơ đã giải quyết				10050	
a	Số lượng hồ sơ đúng hạn (tỷ lệ % đúng hạn)				9955/10050 (99,1%)	
b	Số lượng hồ sơ trễ hạn/quá hạn (tỷ lệ % trễ hạn/quá hạn) nhưng chưa có kết quả.				11/194 (5,7%)	
2.7	Tình hình thực hiện thư xin lỗi:					
2.7.1	Hình thức				Văn bản giấy	
2.7.2	Tổng số thư xin lỗi (tỷ lệ % thư xin lỗi trên tổng số hồ sơ tiếp nhận)				98/10002 (0,98%)	
3	Kết quả thực hiện tiếp nhận, xử lý phản ánh kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với quy định hành chính				0	
3.1	Số lượng nhận được từ Sở Tư pháp chuyển				0	
3.2	Số lượng đã giải quyết và thông báo kết quả cho Sở Tư pháp và cá nhân, tổ chức đã phản ánh				0	
3.3	Số lượng chưa giải quyết.				0	
4	Kết quả kiểm tra công tác kiểm soát TTHC				0	
4.1	Số lượng phòng/ban, đơn vị đã kiểm tra				0	
4.2	Kết quả xử lý sau kiểm tra				0	

Phụ lục 5
THÔNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CCHC
(Công tác cải cách tổ chức, bộ máy)

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Rà soát về vị trí, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức, biên chế của các cơ quan					
1.1	Việc triển khai và mức độ tuân thủ quy định về tổ chức bộ máy tại các văn bản quy phạm pháp luật ¹					
1.1.1	Số lượng phòng/ban				12	
1.1.2	Số lượng đơn vị trực thuộc				36	
1.2	Tình hình quản lý biên chế					
1.2.1	Biên chế công chức (số lượng đang bố trí/được phân bổ)				209	
1.2.2	Biên chế viên chức (nếu có) (số lượng đang bố trí/được phân bổ)				1231	
1.3	Số lượng quy chế tổ chức và hoạt động, quy chế làm việc được ban hành					
1.3.1	Sở-ngành				01	Đã trình UBND/TP
1.3.2	Phòng/ban trực thuộc				12	
1.3.3	Đơn vị trực thuộc				36	
2	Thực hiện phân cấp/ủy quyền quản lý				0	

¹ Các Sở-ngành báo cáo đính kèm tên các phòng/ban và đơn vị trực thuộc theo Phụ lục 9. Ghi chú: Tên các phòng/ban/dơn vị trực thuộc khác với quy định của cá văn bản Trung ương.

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
2.1	Số lượng lĩnh vực/TTHC đã được UBND Thành phố phân cấp quản lý					
2.2	Số lượng lĩnh vực/TTHC đã được UBND Thành phố ủy quyền quản lý					
3	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông				01	
3.1	Số lượng đơn vị đang thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông					
3.2	Số lượng đơn vị chưa tổ chức theo mô hình cơ chế một cửa.				01	
3.3	Số lượng bộ phận tiếp nhận và trả kết quả đạt yêu cầu về cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định.				0	
3.4	Số lượng đơn vị thực hiện mô hình một cửa hiện đại.				03	
3.5	Số lượng công chức/viên chức đang được bố trí tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.					
4	Thực hiện tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính vào ngày thứ bảy hàng tuần.				01	
4.1	Số lượng đơn vị đang thực hiện tiếp nhận và trả kết quả trong buổi sáng ngày thứ bảy trong tuần.				107	
4.2	Số TTHC được tiếp nhận, giải quyết trong ngày thứ bảy hàng tuần.				02	
4.3	Số công chức/viên chức được bố trí làm việc vào ngày thứ bảy hàng tuần.					

Phụ lục 6

THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CCHC

(Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức)

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Về xác định vị trí việc làm và cơ cấu công chức, viên chức					
1.1	Số lượng cơ quan, phòng/ban đã xây dựng và phê duyệt cơ cấu công chức theo vị trí việc làm				Chưa có	Đang chờ Quy chế và Tổ chức hoạt động của Sở
1.2	Số lượng đơn vị đã xây dựng và phê duyệt cơ cấu viên chức theo vị trí việc làm				Chưa có	
2	Số lượng thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức					
2.1	Tuyển dụng				10+204	
2.2	Bổ nhiệm				56	
2.2.1	Bổ nhiệm ngạch				3	
2.2.2	Bổ nhiệm chức vụ/chức danh				204	
2.3	Khen thưởng					
2.4	Kỷ luật					
2.5	Các chính sách khác...					
2.5.1	Nâng lương/Nâng lương trước niêm hạn				413 thường xuyên/70 trước niêm hạn	

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
2.5.2	Thôi việc					
2.5.3	Nghỉ hưu				27	
2.5.4				23	
3	Về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức					
3.1	Số lượng tham gia các lớp do Thành phố tổ chức (tỷ lệ % đạt yêu cầu cuối khóa học)					
3.2	Số lượng lớp do cơ quan chủ động tổ chức/phối hợp tổ chức;				443	
3.3	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp do cơ quan tự tổ chức/phối hợp tổ chức (tỷ lệ % đạt yêu cầu cuối khóa học)					
4	Về cải cách công vụ công chức, đổi mới công tác quản lý cán bộ, công chức					
4.1	Thi tuyển cạnh tranh để bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo cơ quan, đơn vị, phòng, ban.					
4.2	Chính sách thu hút người tài vào bộ máy hành chính.				03	
5	Nâng cao trách nhiệm, kỷ luật, kỷ cương hành chính và đạo đức công vụ của cán bộ, công chức, viên chức					
5.1	Số lần tổ chức thanh tra, kiểm tra công vụ, công chức.					
5.2	Xử lý sau khi có kết quả thanh tra, kiểm tra công vụ, công chức.					

Phụ lục 7
THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CCHC
(Cải cách tài chính công)

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP				01	Hiện có 1 đơn vị: Văn phòng Cơ quan Sở
1.1	Số lượng cơ quan, đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ ² .					
1.2	Số lượng cơ quan, đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công.					
1.3	Số lượng cơ quan, đơn vị có mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức theo cấp bậc, chức vụ trở lên.					
1.4	Bình quân số lần thu nhập được tăng thêm				0.5 lần	
2	Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-C được thay thế bởi Nghị định số 16/2015/NĐ-CP.					34 đơn vị
2.1	Số lượng đơn vị thực hiện cơ chế tự chủ ³					34 đơn vị
2.2	Số lượng đơn vị ban hành quy chế chi tiêu nội bộ và quy chế quản lý tài sản công;					34 đơn vị
2.3	Số lượng đơn vị có ban hành tiêu chí đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao để làm căn cứ chi trả thu nhập cho người lao động.					34 đơn vị

² Các Sở-ngành đính kèm danh sách các cơ quan/dơn vị đang thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP theo Phụ lục 10.

³ Các Sở-ngành đính kèm danh sách các đơn vị đang thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 43/2006/NĐ-C được thay thế bởi Nghị định số 16/2015/NĐ-CP theo Phụ lục 10.

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
2.4	Số lượng đơn vị có mức tăng thu nhập cho cán bộ, công chức theo cấp bậc, chức vụ trở lên.					34 đơn vị
2.5	Bình quân số lần thu nhập được tăng thêm					
3	Về thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP				0	
3.1	Số lượng tổ chức khoa học và công nghệ được phê duyệt đề án chuyển đổi tổ chức và hoạt động theo cơ chế ⁴					
3.2	Số tổ chức ban hành quy chế chi tiêu nội bộ					

⁴ Các Sở-ngành đính kèm danh sách các đơn vị đang thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định số 115/2005/NĐ-CP và Nghị định số 96/2010/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 115/2005/NĐ-CP theo Phụ lục 10.

Phụ lục 8
THỐNG KÊ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CCHC
(Hiện đại hóa hành chính)

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1	Ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước					
1.1	Số lượng các đơn vị đang ứng dụng các phần mềm cơ bản được triển khai				01	
1.1.1	Số lượng đơn vị ứng dụng phần mềm quản lý văn bản;				01	
1.1.2	Số lượng đơn vị sử dụng mạng nội bộ (mạng LAN) trong trao đổi công việc				36	
1.1.3	Số lượng áp dụng gửi thư mời họp thông qua hộp thư điện tử/tin nhắn SMS.				100%	
1.2	Các phần mềm đang được quản lý, sử dụng tại cơ quan, đơn vị:				4	
1.2.1	Do Bộ, ngành trung ương cung cấp.					
1.2.2	Do Thành phố cung cấp.				3	
1.2.3	Do cơ quan chủ động xây dựng thực hiện.				1	
1.3	Tỷ lệ cán bộ, công chức sử dụng thư điện tử trong trao đổi công việc					
1.3.1	Tỷ lệ % công chức lãnh đạo sử dụng.				100%	
1.3.2	Tỷ lệ % công chức, viên chức còn lại sử dụng.				90%	

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
1.4	Tình hình triển khai cung cấp dịch vụ công trực tuyến. Cụ thể:				107	
1.4.1	Số lượng TTTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 2.		02		02	
1.4.2	Số lượng TTTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 3		0		0	
1.4.3	Số lượng TTTHC được cung cấp trực tuyến ở mức độ 4.		32		32	
1.5	Số lượng Trang thông tin điện tử của cơ quan và các phòng/ban/đơn vị.					
2	Về áp dụng ISO trong hoạt động của cơ quan hành chính		01		01	
2.1	Số lượng cơ quan, đơn vị đang thực hiện ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với TCVN ISO 9001:2008/ISO điện tử ⁵ .		48		48	
2.2	Số lượng TTTHC đang thực hiện ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với TCVN ISO 9001:2008/ISO điện tử.					
2.2.1	Số lượng TTTHC đã được công bố đang thực hiện ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với TCVN ISO 9001:2008/ISO điện tử tại cơ quan (tỷ lệ % so với tổng số TTTHC đang tiếp nhận).				48/89 (53,9%)	Sở đang xây dựng các quy trình còn lại, chuẩn bị công bố lần 3 vào

⁵ Các Sở- ngành thống kê cơ quan/don vi đang áp dụng ứng dụng ISO (ISO 9001:2000, ISO 9001:2008)/ISO điện tử theo Phụ lục 11.

STT	Tiêu chí	Quý I	6 tháng	9 tháng	Tổng số trong năm	Ghi chú
						đầu tháng 12/2016
2.2.2	Số lượng TTHC chưa được công bố đang thực hiện ứng dụng hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với TCVN ISO 9001:2008/ISO điện tử tại cơ quan (tỷ lệ % so với tổng số TTHC đang tiếp nhận).				0	
3	Tình hình triển khai xây dựng trụ sở cơ quan hành chính					
3.1	Số lượng trụ sở cơ quan, đơn vị đã xây dựng mới và đang sử dụng.				0	
3.2	Số lượng trụ sở cơ quan, đơn vị cần phải sửa chữa.				01	
3.3	Số lượng trụ sở cơ quan, đơn vị cần phải xây dựng mới.				0	

Phụ lục 9⁶
DANH SÁCH

TÊN CÁC PHÒNG VÀ ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ VĂN HÓA VÀ THỂ THAO

(Đã báo cáo trong Báo cáo số 4233/BC-SVHTT-CCHC ngày 31 tháng 8 năm 2016
của Sở Văn hóa và Thể thao)

Phụ lục 10⁷
DANH SÁCH

TÊN CÁC CƠ QUAN/ĐƠN VỊ THỰC HIỆN CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG
(Đã báo cáo trong Báo cáo số 4233/BC-SVHTT-CCHC ngày 31 tháng 8 năm 2016
của Sở Văn hóa và Thể thao)

Phụ lục 11⁸
DANH SÁCH

TÊN CÁC CƠ QUAN/ĐƠN VỊ ĐANG ỨNG DỤNG ISO
(Đã báo cáo trong Báo cáo số 4233/BC-SVHTT-CCHC ngày 31 tháng 8 năm 2016
của Sở Văn hóa và Thể thao)

⁶ Các Sở-ngành chỉ cần báo cáo 1 lần. Nếu không có biến động so với báo cáo lần trước, thì lần sau không cần báo cáo đối với Phụ lục này.

⁷ Các Sở-ngành chỉ cần báo cáo 1 lần. Nếu không có biến động so với báo cáo lần trước, thì lần sau không cần báo cáo đối với Phụ lục này.

⁸ Các Sở-ngành chỉ cần báo cáo 1 lần. Nếu không có biến động so với báo cáo lần trước, thì lần sau không cần báo cáo đối với Phụ lục này.

